

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
CUNG CẤP SẢN PHẨM**
Số: 0516-2023/KFM-NT

Căn cứ

- (1) Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- (2) Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005; và
- (3) Nhu cầu và khả năng kinh doanh của hai bên.

Hợp đồng này được lập ngày 01 tháng 01 năm 2023 (“**Hợp Đồng Nguyên Tắc**”) bởi và giữa:
một bên là,

Bên bán : **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM**
Địa chỉ đăng ký : 12/14/18 Đường 49, KP 7, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP.HCM
Địa chỉ giao dịch : 207/25/3 Phạm Văn Hai, Phường 5, Q. Tân Bình, TP.HCM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0309391503 cấp ngày 25/09/2009 bởi Phòng Đăng Ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 09/11/2021
Mã số thuế : 0309391503
Đại diện bởi : Đặng Xuân Ngọc – Giám đốc
Giấy ủy quyền : Thom- Giấy Ủy quyền số 01/2022 - UQ ký ngày 01/01/2022
Tài khoản ngân hàng VND : 1027349624
Tài khoản mở tại : Vietcombank – CN Đông Đồng Nai
Tên chủ tài khoản : **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM**

(Sau đây được gọi là “**Bên Bán**” và/hoặc “**Nhà Cung Cấp**”) và/hoặc “**Bên A**”
và bên còn lại là,

Bên mua : **CÔNG TY CỔ PHẦN KING FOOD MARKET**
Địa chỉ đăng ký : Số 37/5 Bế Văn Cầm, phường Tân Kiên, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ giao dịch : Số 37/5 Bế Văn Cầm, phường Tân Kiên, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0313403198, cấp lần đầu ngày 17/08/2015, bởi Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/11/2022
Mã số thuế : 0313403198
Đại diện bởi : Phan Hoàng Bích Khuê – Trưởng Ngành Hàng
Giấy ủy quyền : Khuê - Giấy Ủy quyền số 117/2020-UQ ký ngày 1/9/2020
Tài khoản ngân hàng VND : Số 040-01-01-009103-9
Tài khoản ngân hàng USD : 040-01-37-008947-7
Tài khoản mở tại : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi Nhánh Hồ Chí Minh
Tên chủ tài khoản : **CÔNG TY CỔ PHẦN KING FOOD MARKET**

(Sau đây được gọi là “**Bên Mua**” và/hoặc “**Kingfoodmart**” và/hoặc “**Bên B**”)

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản như sau:

Điều 1. Sản phẩm, chất lượng sản phẩm và điều kiện lưu thông sản phẩm

1.1. Sản phẩm

Bên A đồng ý bán cho Bên B các mặt hàng thuộc danh mục được phép kinh doanh bao gồm các sản phẩm (i) thực phẩm tươi sống đã và chưa qua chế biến bao gồm thịt, trứng, cá, thủy hải sản, rau, củ, quả tươi và các thực phẩm khác chưa qua chế biến, (ii) thực phẩm bao gói sẵn; (iii) phụ gia thực phẩm; (iv) dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm; (v) các sản phẩm rượu, bia, thức uống có cồn khác; (vi) thức uống các loại; (vii) các sản phẩm khác Bên Bán có khả năng cung cấp và Bên Mua có nhu cầu mua về để bán lẻ tại hệ thống cửa hàng của mình.

1.2. Chất lượng sản phẩm và điều kiện lưu thông sản phẩm

- (a) Sản phẩm Bên A bán cho Bên B là sản phẩm hoàn toàn mới, đáp ứng mọi điều kiện về quản lý ngành và có đầy đủ các giấy tờ, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn cần thiết để lưu hành trên thị trường Việt Nam.
- (b) Tùy thuộc vào mô hình kinh doanh của Bên Bán là đơn vị sản xuất hay chỉ phân phối sản phẩm, Bên Bán đảm bảo đáp ứng mọi điều kiện để bán sản phẩm cho Bên Mua theo hình thức ghi nhận tại hợp đồng này và mỗi sản phẩm, mỗi loại sản phẩm bán cho Bên Mua đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện, và đạt được mọi giấy tờ tài liệu để lưu thông trên thị trường.
- (c) Các tiêu chuẩn, điều kiện, giấy tờ này, tùy từng trường hợp, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (i) Giấy chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm “**Giấy ATVSTP**”;
 - (ii) Giấy chứng nhận thực hành sản xuất tốt (“**GMP**”);
 - (iii) Giấy chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (“**GAP**”);
 - (iv) Giấy chứng nhận GlobalGAP (“**GlobalGAP**”);
 - (v) Giấy chứng nhận thực hành vệ sinh tốt (“**GHP**”);
 - (vi) Chứng nhận phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (“**HACCP**”);
 - (vii) Phiếu công bố lưu hành sản phẩm;
 - (viii) Chứng nhận các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
 - (ix) Sản phẩm đầy đủ thông tin và Bên Bán vận hành với quy trình phù hợp đảm bảo truy xuất được nguồn gốc sản phẩm khi có yêu cầu;
 - (x) Có chứng nhận kiểm dịch, vệ sinh thú y của cơ quan thú y có thẩm quyền đối với thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ động vật, thủy hải sản theo quy định của pháp luật về thú y, hải sản;
 - (xi) Đăng ký, tự công bố bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm;
 - (xii) Nhãn phụ bằng tiếng Việt, đối với sản phẩm nhập khẩu phải có nhãn phụ khi lưu thông tại thị trường Việt Nam;
 - (xiii) Kho lưu trữ, bảo quản sản phẩm phù hợp với sản phẩm được lưu trữ trước khi lên phương tiện vận chuyển đến cho Bên Bán;
 - (xiv) Phương tiện vận chuyển thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu không làm ô nhiễm thực phẩm hoặc bao gói thực phẩm, dễ làm sạch. Bảo đảm các điều kiện về nhiệt độ bảo quản đối với đông lạnh và hàng mát;
 - (xv) Bảo đảm điều kiện bảo quản thực phẩm trong suốt quá trình vận chuyển theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
 - (xvi) Không vận chuyển thực phẩm cùng hàng hoá độc hại hoặc có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng thực phẩm; và

(xvii) Thông tin đầy đủ ngày sản xuất, thời hạn và ngày hết hạn, đặc biệt đối với mặt hàng thịt, cá, trứng và rau củ quả tươi sống.

Điều 2. Tạo mã số - mã vạch sản phẩm

Nhằm thuận tiện cho mục đích xác định các thông tin liên quan sản phẩm, lưu trữ, thống kê, kiểm kê và giao dịch mua bán, Bên A có nghĩa vụ tạo lập mã vạch sản phẩm và thông báo chính xác cho Bên B toàn bộ dữ liệu liên quan đến sản phẩm, và chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự chính xác và tin cậy của các thông tin cung cấp. Cho mục đích này, Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin bổ sung theo yêu cầu của Bên B. Thông tin sẽ bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- 2.1. Mã số - mã vạch của sản phẩm: là mã số - mã vạch có trên mỗi đơn vị sản phẩm bán cho người tiêu dùng. Mã này phải luôn có trên sản phẩm, bao bì của sản phẩm. Mã này phải đọc được trên máy quét áp dụng tại hệ thống cửa hàng của Bên B.
- 2.2. Thông tin về sản phẩm: tên sản phẩm và các thông tin bắt buộc cần thiết cho việc thông tin đến người tiêu dùng khi bày bán tại hệ thống các cửa hàng của Bên B. Bên A có nghĩa vụ cung cấp cho Bên B sản phẩm theo đúng bản thông tin sản phẩm đã cung cấp cho Bên B và đã được Bên B chấp nhận.
- 2.3. Bao bì sản phẩm: Bao bì của một hay nhiều đơn vị hàng hóa bán cho người tiêu dùng phù hợp với quy định bao gói sản phẩm và nhãn hàng hóa. Bao bì sản phẩm phải được giữ cố định và chỉ được thay đổi khi thông báo trước cho Bên B ít nhất 30 ngày làm việc và được Bên B chấp nhận bằng văn bản.
- 2.4. Ngừng cung cấp sản phẩm: Trường hợp chấm dứt sản xuất hoặc Bên A ngưng bán sản phẩm trên thị trường và/hoặc ngưng bán sản phẩm cho Bên B, Bên A có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 02 (hai) tháng về việc ngừng cung cấp kể trên.

Điều 3. Cung cấp giấy tờ, tài liệu và trao đổi thông tin giữa hai bên

Để đảm bảo cơ sở xác thực sự tồn tại, quyền kinh doanh hợp pháp của mỗi bên liên quan đến nội dung thỏa thuận tại hợp đồng này, các bên cung cấp cho nhau các thông tin, tài liệu ban đầu như sau:

(a) Bên A và Bên B cung cấp cho nhau

- (i) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận mã số thuế (trường hợp mã số thuế khác với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): scan màu gửi qua email.
- (ii) Giấy chứng nhận ATVSTP, Giấy phép bán lẻ rượu của Bên B (scan màu sau khi cửa hàng đã có được loại giấy phép này), Giấy ATVSTP của Bên A hoặc giấy tờ tương đương phù hợp với hình thức kinh doanh của Bên A (bản sao y).
- (iii) Mỗi bên có nghĩa vụ thông báo chính thức cho nhau những thông tin mà vốn những thông tin này thay đổi sẽ ảnh hưởng đến thông tin thực hiện hợp đồng. Các thay đổi bao gồm nhưng không giới hạn thay đổi thông tin doanh nghiệp như thay đổi địa chỉ, thay đổi đại diện theo pháp luật, thay đổi người được ủy quyền giao dịch, ..., để mỗi bên nắm rõ thực hiện. Bên nào chậm trễ trong việc thông báo những thay đổi này gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- (iv) Trong trường hợp người được ủy quyền giao dịch của một trong hai bên được ghi trên không được quyền tiếp tục đại diện trong việc giao dịch với bên còn lại, bên có thay đổi phải thông báo kịp thời, chính thức bằng văn bản/email, gửi người đại diện liên lạc với bên còn lại ngay lập tức và phải được đại diện liên lạc bên còn lại xác nhận đã nhận được

thông báo đó, nếu không bên có thay đổi phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi hoàn chi phí thiệt hại cho bên còn lại do việc chậm thông báo trên gây ra.

(b) Bên A cung cấp cho Bên B

- (i) Các giấy tờ, tài liệu là kết quả cuối cùng thuộc các tài liệu liệt kê tại Điều 1.2(c) kể trên để đảm bảo rằng thông tin thể hiện trên sản phẩm đúng với thông tin tài liệu đi kèm và đây là tài liệu cuối cùng để đảm bảo sản phẩm lưu thông trên thị trường. Ví dụ: Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm rượu (bản scan màu hay bản giấy sao y hợp lệ, tùy thuộc vào nhu cầu từ Bên B).
- (ii) Trong suốt quá hợp tác, tùy thuộc vào nhu cầu từ Bên B, liên quan đến (i) an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, (ii) hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không đủ điều kiện lưu thông; (iii) làm việc với cơ quan quản lý nhà nước; (iv) giải quyết khiếu nại, tố cáo từ khách hàng và từ cơ quan nhà nước, Bên A nhanh chóng cung cấp theo yêu cầu từ Bên B, các tài liệu Điều 1.2(c) kể trên dưới dạng file can hay sao y tùy thuộc vào nhu cầu Bên B.

Điều 4. Giá và bảo vệ giá

- 4.1. Đơn giá nhập các mặt hàng nêu trên là giá thanh toán được thể hiện cụ thể trong từng hoá đơn giá trị gia tăng (“GTGT”). Khi giá thay đổi đã được hai bên thống nhất, Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B bảng giá mới trước khi thực hiện (i) 60 ngày tính đến ngày thay đổi áp dụng với thực phẩm công nghệ, đông lạnh, hàng mát và hàng phi thực phẩm; và (ii) 15 ngày về việc thay đổi giá trước khi giá mới được áp dụng áp dụng với hàng tươi sống. Đơn giá thể hiện trong bảng giá đảm bảo cạnh tranh trên thị trường, không được cao hơn giá bán của người mua khác trên thị trường tại cùng thời điểm. Trường hợp Bên B phát hiện Bên A cung cấp sản phẩm với giá cao hơn, Bên A cam kết hoàn trả lại toàn bộ phần chênh lệch giá của đơn hàng đã mua và chịu phạt vi phạm tối đa 8% giá trị của lô hàng.

Trường hợp giá cả trên thị trường biến động mạnh và liên tục (hàng tươi sống), việc thay đổi giá và thời gian áp dụng được thảo luận và thống nhất giữa nhà cung cấp và nhân viên phụ trách ngành hàng. Mọi trường hợp thay đổi giá tăng phải được chấp thuận từ nhân sự phụ trách ngành hàng Bên Mua khi thực hiện. Để đảm bảo tính công bằng, bên mua toàn quyền quyết định việc chấp thuận việc áp dụng giá tăng hay không.

- 4.2. Giá bán lẻ hàng hóa do Bên B toàn quyền quyết định sao cho phù hợp với tình hình thị trường.
- 4.3. Bên A cam kết không tăng giá trong vòng ba tháng đối với sản phẩm mới để Bên B ổn định kinh doanh (đối với hàng thực phẩm công nghệ, đông lạnh và hàng mát).
- 4.4. Khi có sự giảm giá bán lẻ sản phẩm từ nhà sản xuất, nhà cung cấp, Bên A có nghĩa vụ thông báo và đồng ý giảm giá tất cả các sản phẩm mà Bên B chưa bán hết còn tồn thực tế trong kho và/hoặc tại hệ thống cửa hàng của Bên B. Giá áp dụng bảo vệ giá là được căn cứ vào báo giá thời điểm Bên A ra thông báo bảo vệ giá, theo thông lệ thương mại để bảo vệ quyền lợi cho các đơn vị bán lẻ khi giá giảm.

Công thức tính bảo vệ giá như sau:

- (i) Đơn giá bảo vệ giá (đã bao gồm GTGT) = Đơn giá nhập cũ (đã bao gồm GTGT) – đơn giá nhập mới (đã bao gồm GTGT).
- (ii) Không trễ hơn 7 ngày kể từ ngày Bên A thông báo, Bên A xuất hóa đơn GTGT số tiền bảo vệ giá cho Bên B để cản trừ công nợ.

Điều 5. Thời gian và phương thức giao nhận sản phẩm

- 5.1. Thời gian giao hàng được quy định trong phụ lục A. Quá thời gian quy định giao nhận hàng hóa mà Bên A chưa giao đến địa điểm chỉ định hoặc không thông báo trước cho Bên B về việc trễ hạn giao để được chấp thuận trước thì Bên B có quyền đơn phương hủy đơn đặt hàng liên quan. Thủ tục hủy đơn đặt hàng này cũng được thực hiện theo phương thức email như cách thực hiện chấp nhận đơn đặt hàng.
- 5.2. Bên A giao hàng cho Bên B theo đúng thời gian, địa điểm, mặt hàng, số lượng và các nội dung khác trên đơn đặt hàng của Bên B. Khi tiến hành giao hàng, Bên A thông báo cho Bên B trước, thời gian bên A cần thông báo trước khi giao hàng được quy định trong phụ lục A. Riêng đối với hàng thực phẩm trữ đông, trữ mát, thực phẩm tươi Bên A phải giao hàng bằng phương tiện chuyên dụng, tối thiểu trong thùng giữ lạnh và phải đảm bảo nhiệt độ tiêu chuẩn về bảo quản sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của hàng hóa cần giao.
- 5.3. Chứng từ giao hàng bao gồm
 - (a) Đơn đặt hàng đã được xác nhận.
 - (b) Biên bản bàn giao có chữ ký xác nhận của 2 bên (phiếu giao hàng của Bên A và phiếu nhận hàng của Bên B được xem như là biên bản bàn giao).
 - (c) Hóa đơn điện tử hợp lệ: bên bán in hóa đơn điện tử ra giấy và gửi email địa chỉ link tra cứu hóa đơn điện tử về hộp thư điện tử của bên mua accounting@kingfoodmart.com. Đối với ngành hàng tươi nhập thường xuyên đối chiếu định kỳ, Hóa đơn GTGT sẽ được xuất theo quy định của pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp hóa đơn được xuất khi đến kỳ chốt công nợ hoặc theo từng lần giao hàng.
 - (d) Phiếu bảo hành đính kèm sản phẩm (nếu có)
 - (e) Sản phẩm khuyến mãi đi kèm (nếu có)

Hóa đơn GTGT Bên A xuất phải thể hiện đúng, đầy đủ các thông tin (i) về tên, địa chỉ, mã số thuế Bên B; và (ii) đồng thời thể hiện các địa chỉ nhận hàng hóa đã được nêu trong từng đơn hàng cụ thể.

- 5.4. Phương tiện vận chuyển đủ tiêu chuẩn ngành hàng, chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp giao hàng đến các địa điểm chỉ định của Bên B do Bên A chịu.
- 5.5. Khi nhận hàng Bên B kiểm tra số lượng, chất lượng và ký nhận.

Trong trường hợp không thể kiểm tra chi tiết về số lượng và chất lượng tại thời điểm nhận hàng, Bên B sẽ thông báo trước với Bên A và khi nhận được sự đồng ý của Bên A, Bên B tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên theo xác suất và ký nhận. Sau đó Bên B sẽ kiểm tra chi tiết lại, nếu hàng thiếu hoặc kém chất lượng thì lập biên bản thông báo ngay cho Bên A để bù hàng, đổi hoặc trả lại hàng: (i) trong 24 giờ đối với hàng tươi sống; (ii) trong quá trình lưu trữ và bán hàng đối với các nhóm hàng còn lại.

Điều 6. Đổi trả sản phẩm

- 6.1. Bên A đồng ý **đổi trả sản phẩm** cho Bên B trong các trường hợp quy định tại phụ lục A.
- 6.2. **Trả hàng**

Sản phẩm thuộc trường hợp đổi trả khi đến thời gian được đổi trả ghi nhận tại Điều 6.1 trên đây được Bên B tập kết tại kho trung tâm hoặc tại kho cửa hàng, tùy thuộc quyết định của Bên B.

Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo từ Bên B (bản giấy hoặc email), Bên A có nghĩa vụ đến đổi hoặc thu hồi sản phẩm tại địa điểm bên B chỉ định. Quá thời hạn trên mà Bên A không hoàn tất việc nhận lại hàng thì Bên B có quyền tự hoàn tất thủ tục xuất trả hàng và thực hiện cản trừ công nợ mà không cần thông báo và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Bên A. Trong trường hợp này, hàng hóa sẽ được lưu kho Bên B thêm 3 ngày làm việc, nếu Bên A không điều phương tiện và cử người đến thu hồi thì Bên B tiến hành xử lý theo chính sách của mình. Để làm rõ, sau 3 ngày kể trên, Bên A không tiến hành thu hồi hàng hóa đồng nghĩa với việc Bên A đã từ bỏ mọi quyền đối với các sản phẩm này và Bên B toàn quyền xử lý mà không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Bên A.

Trong trường hợp trả hàng do lỗi nhà sản xuất hoặc giảm chất lượng khi còn hạn sử dụng mà khách hàng đã mở bao bì thì Bên A cam kết nhận lại hàng hóa do Bên B trả lại trong tình trạng sản phẩm đã khai seal, bị mất hộp, sản phẩm bị trầy xước, cũ, dư, mất tem (sản phẩm không còn nguyên vẹn).

6.3. Thủ tục nhận lại hàng

- (a) Bên A cử nhân sự phù hợp mang theo giấy giới thiệu (bản gốc) và CMND (bản photo, cùng bản chính để đối chiếu).
- (b) Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.
- (c) Biên bản giao nhận hàng được đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền hai bên ký xác nhận.
- (d) Giá trị hàng bị trả lại này sẽ được cản trừ công nợ hai bên. Nếu khoản công nợ tiền hàng mà Bên B còn giữ của Bên A không đủ để cản trừ thì Bên A bổ sung tiền hàng cho Bên B trong 03 ngày làm việc kể từ thời điểm Bên A nhận được hàng và hóa đơn GTGT xuất trả từ Bên B.

Điều 7. Nguyên tắc và thời hạn thanh toán

7.1. Hình thức thanh toán

Bên B thanh toán chuyển khoản cho Bên A bằng tiền VNĐ.

7.2. Thời hạn thanh toán

Thời hạn thanh toán được quy định ở Phụ Lục A.

Trong trường hợp phát sinh chênh lệch sau khi Bên B gửi đối chiếu công nợ, Bên A cần hoàn tất phản hồi trong vòng 3 ngày làm việc. Việc thực hiện thanh toán trong trường hợp này sẽ là ngày thanh toán cố định đến kỳ hoặc ngày làm việc tiếp theo sau khi 2 Bên hoàn tất đối chiếu công nợ nếu đã quá hạn thanh toán theo ngày cố định.

Trường hợp ngày đến hạn thanh toán là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ hoặc ngày đó không có trong tháng thì ngày đến hạn thanh toán được dời sang ngày làm việc tiếp theo.

- 7.3. Bên A đảm bảo các thông tin tài khoản ngân hàng mà Bên A cung cấp cho Bên B đều do Bên A là chủ tài khoản.

Điều 8. Giao dịch xác thực qua email

- 8.1. Dựa trên các điều khoản và điều kiện ghi nhận tại Hợp Đồng Nguyên Tắc, các Phụ lục về thỏa thuận thương mại sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm, đại diện ngành hàng hai bên sử dụng các phương thức trao đổi, tiến hành đề xuất đơn hàng và chấp thuận đơn hàng thông qua email. Đồng thời, các bên thống nhất rằng các thông báo đề nghị áp dụng chính sách khuyến

mại, chương trình thương, chính sách chiết khấu ngắn hạn (tối đa 30 ngày), chính sách hỗ trợ bổ sung, chính sách thu bù chiết khấu do chênh lệch giảm giá, để tạo tiện ích trong giao dịch, hai bên cũng được phép xác thực qua email theo thỏa thuận tại đây.

- 8.2. Giao dịch qua email này có hiệu lực ràng buộc hai bên khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
- (a) Các đề nghị và phản hồi đề nghị được gửi từ địa chỉ email cá nhân đại diện của mỗi bên (email này phải được liệt kê trong Phụ Lục đính kèm hợp đồng này).
 - (b) Email đề nghị được gửi đi hợp lệ từ một bên, chỉ được xem là chấp thuận khi và chỉ khi bên còn lại hoặc đại diện hợp lệ của bên còn lại phúc đáp chấp thuận toàn bộ đề nghị qua email. Trừ trường hợp email gửi Đơn đặt hàng, nếu trong 48h kể từ khi bên B gửi Đơn đặt hàng qua email mà bên A không phản hồi thì coi như bên A đã chấp nhận đơn hàng.
 - (c) Việc xác nhận đề nghị qua email tại đây đủ để xác lập thỏa thuận giữa hai bên tính từ thời điểm bên đề xuất nhận được chấp thuận bằng email và gửi email xác nhận rằng đã nhận được chấp thuận phản hồi từ bên còn lại.
 - (d) Mọi thay đổi đối với đề nghị được xác lập được thực hiện theo thủ tục đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định tại Bộ Luật Dân Sự áp dụng vào thời điểm giao dịch.

Điều 9. Cam đoan, bảo đảm & trách nhiệm các bên

9.1. Cam đoan và bảo đảm của Bên A

- (a) Sản phẩm không phải hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu;
- (b) Sản phẩm bán cho Bên Mua phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật trong tài liệu công bố;
- (c) Thịt hoặc sản phẩm được chế biến từ thịt đã qua kiểm tra thú y và đã đạt yêu cầu;
- (d) Sản phẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và đủ tiêu chuẩn đăng ký hợp chuẩn hợp quy;
- (e) Sản phẩm rõ nguồn gốc, xuất xứ;
- (f) Bên Bán không lừa dối, không cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả kiểm nghiệm thực phẩm;
- (g) Sản phẩm sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các dấu hiệu khác cho sản phẩm theo quy định của pháp luật;
- (h) Cam kết sản phẩm đủ tiêu chuẩn, tiến hành mọi quy trình thủ tục kiểm nghiệm, đăng ký, công bố, thông báo đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để đảm bảo đủ điều kiện lưu thông trên thị trường, và Bên Bán có đầy đủ quy trình thủ tục, nhân sự theo dõi, kiểm tra, kiểm nghiệm định kỳ sản phẩm theo yêu cầu pháp luật.

9.2. Trách nhiệm Bên A

- (a) Có trách nhiệm xây dựng và ổn định giá bán lẻ thống nhất trên toàn thị trường;
- (b) Khi có sự thay đổi về dòng sản phẩm, Bên A phải thông báo cho Bên B trước ít nhất 10 ngày bằng email hoặc văn bản;
- (c) Kết hợp với Bên B làm các chương trình khuyến mại để đẩy mạnh bán hàng và giải quyết hàng tồn kho;
- (d) Kịp thời ngừng sản xuất, thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện thực phẩm không an toàn hoặc không phù hợp tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
- (e) Lưu giữ hồ sơ, mẫu thực phẩm, các thông tin cần thiết theo quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định;

- (f) Thu hồi, xử lý thực phẩm quá thời hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn. Trong trường hợp xử lý bằng hình thức tiêu hủy thì việc tiêu hủy thực phẩm phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy đó.
- (g) Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm liên quan đến trách nhiệm đối với sản phẩm khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước hay xảy ra sự cố an toàn thực phẩm đối với người tiêu dùng.
- (h) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi thực phẩm do mình gây ra ảnh hưởng sức khỏe.
- (i) Khi phát hiện sản phẩm không đảm bảo an toàn, bằng chi phí của mình tự nguyện yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm hợp tác thu hồi và xử lý thực phẩm.
- (j) Thông tin trung thực về an toàn thực phẩm, cảnh báo kịp thời, đầy đủ, chính xác về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm, cách phòng ngừa cho người bán hàng và người tiêu dùng, thông báo yêu cầu về vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng thực phẩm.
- (k) Thực hiện công bố các tiêu chuẩn sản phẩm do mình sản xuất, cung cấp và có áp dụng các biện pháp kiểm soát nội bộ để bảo đảm an toàn thực phẩm.
- (l) Trừ khi có thỏa thuận khác hoặc Bên A chứng minh được Bên B bảo quản sản phẩm không đúng quy cách khuyến cáo bởi Bên Bán hoặc nhà sản xuất, Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến sản phẩm cung cấp bởi Bên A mà toàn bộ trách nhiệm thuộc về Bên A đối với sản phẩm bán cho Bên B. Các trách nhiệm này bao gồm nhưng không giới hạn (i) cung cấp giấy tờ, tài liệu, các phân tích, các xét nghiệm, các kiểm nghiệm, giải trình với cơ quan nhà nước khi có thanh tra, kiểm tra sản phẩm; (ii) các nội dung về hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; (iii) các vấn đề, sự cố liên quan đến bệnh tật, sức khỏe người tiêu dùng liên quan đến việc sử dụng thực phẩm; (iv) các tranh chấp, khiếu nại, kiện tụng liên quan đến chất lượng sản phẩm, các tài sản sở hữu trí tuệ liên quan sản phẩm, các quyền thương mại liên quan đến sản xuất và lưu hành sản phẩm, (v) các quyền phân phối, quyền độc quyền phân phối sản phẩm trên lãnh thổ Việt Nam; (vi) liên hệ, giải trình, giải thích, hợp báo để công bố thông tin liên quan các sự cố ATVSTP. Khi có sự việc trên đây xảy ra, Bên A bằng chi phí và trách nhiệm của mình giải quyết tất cả vấn đề liên quan, chịu các khoản phạt với cơ quan nhà nước, bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và khắc phục hậu quả khi có sự cố thực phẩm gây ra.
- (m) Nhanh chóng cung cấp mọi giấy tờ, tài liệu dưới dạng scan màu, tài liệu sao y liên quan đến sản phẩm theo yêu cầu Bên Mua để Bên Mua đăng ký ATVSTP, giấy phép kinh doanh rượu bia (nếu sản phẩm là rượu bia) và giải trình với cơ quan nhà nước khi cán bộ thanh tra kiểm tra cửa hàng.
- (n) Khi Bên A thực hiện bất kỳ chương trình khuyến mại nào cho người tiêu dùng thông qua Bên B, Bên A có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục đăng ký/thông báo với cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật. Mọi thiệt hại đối với Bên Mua liên quan đến việc các chương trình khuyến mại do Bên Bán chủ trì phát sinh từ việc Bên Bán không có giấy phép phù hợp, Bên Bán phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với Bên Mua. Để làm rõ, Bên Mua được phép căn trừ vào các khoản công nợ của Bên Mua đối với Bên Bán trong trường hợp này mà không cần xin thêm bất kỳ chấp thuận nào khác.

9.3. Trách nhiệm Bên B

- (a) Tiếp nhận và bảo quản hàng hoá đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc bên Bán.
- (b) Hướng dẫn khách hàng sử dụng hàng hóa theo đúng hướng dẫn sử dụng kèm theo sản phẩm.
- (c) Thực hiện đúng nội dung các chương trình khuyến mại mà Bên A triển khai áp dụng riêng cho Bên B cũng như các chương trình chung cho tất cả các đối tác của Bên A.

- (d) Thông báo ngay cho Bên A khi phát hiện biến động giá trên thị trường và thông tin bất thường liên quan đến sản phẩm của Bên A để Bên A kịp thời xử lý.
- (e) Phối hợp với Bên A tổ chức và thực hiện các chương trình trưng bày, quảng cáo và khuyến mãi sản phẩm mới của Bên A tại cửa hàng Bên B.
- (f) Thanh toán đúng thời hạn quy định ở Điều 7.

Điều 10. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

10.1. Bên A vi phạm nghĩa vụ liên quan đến việc hủy đơn hàng hoặc giao hàng chậm như quy định tại Điều 5 trên đây mà không có sự thống nhất của bên B, Bên A sẽ phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng tính trên giá trị đơn đặt hàng tương ứng như sau:

Nội dung	Thực phẩm tươi sống	Thực phẩm công nghệ	Hóa mỹ phẩm	Giá trị làm căn cứ tính mức phạt
Hàng hóa không thuộc chương trình khuyến mãi	5%	7%	5%	Tổng giá trị đơn đặt hàng Bên A hủy hoặc giao hàng trễ hạn cho Bên B (đã bao gồm thuế GTGT) x tỷ lệ %
Hàng hóa thuộc chương trình khuyến mãi	8%	8%	8%	

- 10.2. Bên A công nhận và đồng ý rằng việc không đủ hàng hóa để thực hiện trọn vẹn một chương trình khuyến mại của Bên B khi đã được thông báo cho người tiêu dùng sẽ gây thiệt hại lớn về doanh thu, hình ảnh của Bên B, lợi ích của người tiêu dùng và có thể dẫn đến rủi ro pháp lý cho Bên B do truyền thông, quảng cáo, khuyến mại sai sự thật. Do vậy, Bên A sẽ bồi thường cho Bên B mọi thiệt hại mà Bên B phải gánh chịu phát sinh từ việc không nhận đầy đủ số sản phẩm mà lẽ ra Bên B đã nhận được từ Bên A. Ngoài ra, nếu việc chậm giao sản phẩm thuộc chương trình khuyến mại dẫn đến việc tồn kho sau khi hết chương trình khuyến mại, Bên A có nghĩa vụ thu hồi sản phẩm tồn kho trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày hết hạn chương trình khuyến mại đó bằng chi phí vận chuyển gom hàng của mình.
- 10.3. Nếu Bên B kiểm tra và nhận thấy dư lượng các chất không được phép như thuốc trừ sâu, chất bảo quản, phụ gia thực phẩm, hóa chất độc hại, ...có trong sản phẩm hay cao hơn mức công bố và mức quy định, Bên A phải chịu mọi chi phí đưa sản phẩm đến cơ quan chức năng kiểm định và phải bồi hoàn toàn bộ doanh số của lô hàng còn tồn kho cho Bên B khi có kết quả kiểm định từ cơ quan chức năng. Nếu hàng hóa đã bán ra thị trường, khách hàng có khiếu nại đối với sản phẩm, Bên A phải chịu toàn bộ trách nhiệm, hậu quả do vi phạm gây ra và bồi thường thiệt hại cho khách hàng khách hàng do phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc sử dụng sản phẩm kể trên.
- 10.4. Ngoài những quy định bồi thường thiệt hại trên đây, bên nào vi phạm nghĩa vụ hợp đồng này dẫn đến thiệt hại cho bên còn lại, bên còn lại phải bồi thường đầy đủ và toàn bộ thiệt hại đối với bên còn lại.

Điều 11. Điều khoản chung

- 11.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản nêu trong hợp đồng này, không được phép sửa đổi bổ sung hợp đồng mà không có sự đồng ý của bên kia. Bất luận quy định ở đây, Bên B được phép chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với điều kiện thông báo trước cho Bên A trước ít nhất 60 ngày và toàn tất nghĩa vụ công nợ đối với Bên A.
- 11.2. Nếu có bất kì tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Hợp đồng này, các bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết một cách thiện chí. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày một bên thông báo cho bên còn lại về việc tranh chấp mà các bên không giải quyết được tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra tòa án có thẩm quyền theo luật pháp Việt Nam để được giải quyết.

11.3. Nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại, một Bên sẽ không được thông tin cho bất cứ bên thứ ba nào về các Thông Tin Mật có được do việc thực hiện các thoả thuận của hợp đồng này, trừ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định pháp luật. Cho mục đích của Điều này, “**Thông Tin Mật**” có nghĩa là mỗi và tất cả các thông tin (i) liên quan đến hợp đồng này, (ii) mỗi và tất cả các thông tin liên quan đến việc bán và phân phối hàng hoá theo hợp đồng, (iii) mỗi và tất cả các thông tin khác được cung cấp bởi một Bên cho Bên kia theo từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu và thông tin, kế hoạch bán hàng, kết quả nghiên cứu thị trường, chương trình khuyến mại, thông tin khách hàng (họ tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại giao dịch ...) và các thông tin bảo mật khác là kết quả của hoặc trong mối liên hệ với thoả thuận này tùy từng thời điểm. Trong trường hợp một bên vi phạm điều khoản này, bên vi phạm phải (i) dừng các hành vi tiết lộ Thông Tin Mật ngay lập tức; và (ii) phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Bên bị vi phạm đã và sẽ gánh chịu liên quan đến vi phạm đó.

11.4. Các vấn đề khác không được nêu trong hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký ở phần đầu trên đây đến hết 31/12/2024. Trong vòng một (01) tháng trước khi thời hạn hợp đồng kết thúc, nếu các Bên không có ý kiến gì thì Hợp đồng này sẽ được gia hạn 01 (một) năm tiếp theo và chỉ được gia hạn 01 lần.

12.2. Mọi sửa đổi bổ sung, điều chỉnh của hợp đồng này sẽ được hai bên thống nhất bằng thoả thuận sửa đổi bổ sung, phụ lục hợp đồng tùy từng thời điểm. Các thoả thuận sửa đổi bổ sung, các phụ lục hợp đồng như vậy sẽ là một phần không tách tách rời hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để lưu trữ và thực hiện.

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY CP KINGFOOD MARKET



PHAN HOÀNG BÍCH KHUÊ
Trưởng Ngành Hàng

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM



ĐẶNG XUÂN NGỌC
Giám Đốc



PHỤ LỤC B

CHÍNH SÁCH LIÊM CHÍNH, PHÒNG CHỐNG HỐI LỘ VÀ TƯ LỢI

I. Mục đích

Các Bên đồng ý rằng Hợp Đồng này được ký kết trên nguyên tắc liêm chính, phòng chống hối lộ và tư lợi. Các Bên cam kết thực hiện kinh doanh liêm chính, đáng tin cậy và có trách nhiệm đối với khách hàng và các đối tác kinh doanh;

Chính Sách này nhằm đảm bảo Các Bên trong Hợp Đồng tuân thủ giá trị cốt lõi của Chính Sách liêm chính, phòng chống hối lộ và tư lợi, bảo đảm tính minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Các Bên.

II. Nội dung

Các Bên cam kết nghiêm cấm:

- Các hành vi đưa hối lộ, âm mưu đưa hối lộ, đề nghị hối lộ, hoặc đe dọa, gây sức ép hay tìm cách gây ảnh hưởng đối với nhân viên của Bên kia nhằm có được ưu ái hoặc đạt được giao dịch trong việc mua bán hàng hoá, thực hiện dịch vụ không đúng các điều khoản đã ký kết;
- Các hành vi, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đưa, hứa, tặng cho những khoản lợi ích vật chất như quà tặng, tiền dưới mọi hình thức hoặc tên gọi như: hoa hồng, bồi dưỡng trà nước, hỗ trợ công tác, quà tặng, hàng mẫu, phiếu mua hàng, quyền tham gia câu lạc bộ hoặc các sự kiện giải trí, thể thao, văn hóa... cho bất kỳ nhân viên ở mọi cấp bậc/chức vụ của Bên còn lại và/hoặc bất kỳ đại diện có thẩm quyền nào của các Bên trong việc giao kết và thực hiện Hợp Đồng này;
- Các hành vi cung cấp thông tin thực hiện việc lừa dối hoặc thiếu chính xác mà người thực hiện đã nhận biết được hành vi đó và cũng nhận thức được rằng những hành vi gian lận này có thể đem lại cho cá nhân, tổ chức nào đó có lợi ích bất hợp pháp hoặc tránh những nghĩa vụ đã quy định;
- Nghiêm cấm cán bộ, nhân viên hoặc các đại diện của một Bên đưa hoặc đề xuất đưa tiền hay bất cứ thứ gì có giá trị, dù là tiền mặt hay không, dù là trực tiếp hay gián tiếp qua những người khác, cho bất cứ cá nhân nào của Bên kia nhằm thuyết phục, gây ảnh hưởng tới bất cứ hành động hay quyết định nào của Bên đó, hoặc để hỗ trợ trong việc giành được hoặc giữ lại được lợi thế không hợp lý.

Các Bên có trách nhiệm:

- Thông báo một cách minh bạch tất cả các chính sách mua hàng, bán hàng, sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, giá cả, quy cách, chất lượng... với Bên còn lại và thông báo cho cán bộ, nhân viên của mình có trách nhiệm thực hiện việc giao dịch, mua bán, thương lượng ký kết Hợp Đồng theo đúng quy trình và thực hiện nghiêm túc các nội dung được quy định trong đó;
- Các Bên sẽ lưu giữ sổ sách và hồ sơ phản ánh chính xác và công bằng các giao dịch liên quan đến Hợp Đồng. Mọi giao dịch ngoài sổ sách liên quan đến cán bộ, nhân sự của mỗi Bên và/hoặc những người trung gian liên quan là vi phạm Chính Sách này.
- Mỗi Bên đồng ý sẽ thông báo cho Bên còn lại biết về những đòi hỏi, yêu cầu, gợi ý, nài nỉ về những khoản lợi ích vật chất như quà tặng, tiền dưới mọi hình thức kể trên của bất kỳ nhân viên ở mọi cấp bậc/chức vụ của Bên còn lại và/hoặc bất kỳ đại diện có thẩm quyền nào của

các Bên để đổi lại sự chấp thuận, nhượng bộ, ưu tiên trong việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

- Các Bên có trách nhiệm phối hợp với nhau để điều tra, xử lý và đưa ra các biện pháp ngăn ngừa các hành vi tư lợi, tham nhũng hay hối lộ;

III. Áp dụng

Một Bên trong Hợp đồng này có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu bất kỳ cá nhân nào của Bên kia vi phạm chính sách này;

Các Bên đồng ý rằng, trong trường hợp một Bên phát hiện ra Bên còn lại vi phạm nghĩa vụ quy định tại Chính Sách này, Bên phát hiện được quyền đơn phương chấm dứt ngay lập tức Hợp Đồng này bằng một văn bản thông báo và có quyền yêu cầu Bên vi phạm bồi thường toàn bộ thiệt hại, tổn thất có liên quan.

Chính Sách này được xem là một thoả thuận pháp lý, tất cả các nội dung được quy định cũng phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY CP KINGFOOD MARKET



PHAN HOÀNG BÍCH KHUÊ
Trưởng Ngành Hàng

Thay mặt và đại diện
**CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV
NGỌC THƠM**



ĐẶNG XUÂN NGỌC
Giám Đốc



PHỤ LỤC A - ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

Năm: 2023 Số Phụ lục: 01

Thời hạn hiệu lực: Ngày bắt đầu: 01/01/2023 Ngày hết hạn: 31/12/2023

Đính kèm Hợp đồng số: 0516-2023/KFM-NT Ký ngày: 01/01/2023

I. THÔNG TIN HAI BÊN

Thông tin của Nhà cung cấp	Thông tin của Công ty
Tên Nhà cung cấp (Bên A): CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP.HCM Mã số thuế: 0309391503	Tên Công ty (Bên B): CÔNG TY CP KING FOOD MARKET Địa chỉ: 37/5 Bế Văn Cắm, phường Tân Kiểng, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh Mã số thuế: 0313403198

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

A. GIAO HÀNG

1. Địa điểm giao hàng:

	Tất cả cửa hàng
x	DC/ Kho Trung tâm
	Địa điểm giao hàng cụ thể được thể hiện trong từng Đơn đặt hàng mà Bên B gửi tới Bên A

Địa chỉ kho trung tâm:

- Kho A Khu kho IIIB Trung Tâm Thương Mại Bình Điền - Phường 07 - Quận 8 - TP Hồ Chí Minh
- Kho lạnh ABA Sài Gòn 1, số 18-20 Đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo Mở Rộng, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
- Trung Tâm Phân Phối ABA Miền Đông - Lô 87, kcx, 2 Linh Trung, Bình Chiểu, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thời gian giao hàng:

- Vào ngày/giờ quy định trên đơn đặt hàng (Purchase Order) ; và
- Trong vòng 48 giờ kể từ lúc gửi đơn đặt hàng; và
- Khi tiến hành giao hàng, bên A thông báo cho bên B trước ít nhất 1 ngày.

3. Đơn hàng tối thiểu

Đơn hàng tối thiểu/mã hàng: Không áp dụng

Đơn hàng tối thiểu tổng các mã hàng: Không áp dụng

B. CÁC ĐIỀU KIỆN HÀNG HÓA

1. Thời hạn sử dụng còn lại của Hàng hóa trên tổng thời hạn sử dụng (tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn ghi trên nhãn Hàng Hóa và bản thông tin Hàng Hóa đã cung cấp cho Bên B và đã được Bên B chấp nhận):

Thực phẩm Công Nghệ	Hàng trong nước ít nhất 80% Hàng Nhập khẩu ít nhất 60%
Thực phẩm Tươi Sống (thịt gia cầm, gia súc, thủy sản, rau củ, trái cây) và thức ăn sẵn	Hàng trong nước ít nhất 100% Hàng Nhập khẩu ít nhất 80%
Sữa và thịt chín	Hàng trong nước ít nhất 90% Hàng Nhập khẩu ít nhất 80%
Hoá phẩm, Mỹ phẩm	Hàng trong nước ít nhất 80% Hàng Nhập khẩu ít nhất 60%

2. Hoàn trả Hàng hóa:

x	Hàng hóa bị khách hàng trả lại do lỗi của Nhà cung cấp
x	Hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của NCC
x	Hàng tạm khóa mã
	Hàng lưu kho từ ngày giao hàng quá ngày
	Sản phẩm có số bán thấp hơn 50% trung bình của ngành hàng đó trong 02 tháng liên tiếp.
x	Sản phẩm có vấn đề nghiêm trọng về chất lượng trong thời gian mà đáng lẽ chất lượng sẽ không giảm mà nguyên nhân không đến từ quá trình bảo quản và bán hàng của bên B
x	Hàng cận date phải thông báo trước ngày hết hạn ít nhất 3 ngày
	Trả hàng
	Đổi hàng không hoá đơn
x	Trả hàng và nhập lại hàng mới
	Trường hợp Bên A không đồng ý đổi trả hàng gần hết hạn sử dụng, Bên A hỗ trợ làm chương trình bán hàng để giải tồn kho trước ___ ngày.

Giá trị hoàn trả: 100% giá trị lượng hàng bên B thông báo (Bên B sẽ xuất hóa đơn hoàn trả Hàng hóa)

C. THỜI HẠN THANH TOÁN

Bên B thanh toán cho Bên A 01 lần/ 01 tháng vào ngày 30 của tháng tiếp theo cho các hoá đơn phát sinh trong tháng trước. Bên A có trách nhiệm gửi biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được uỷ quyền) cho Bên B chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng để Bên B tiến hành soát xét và thanh toán đúng thời hạn nêu trên.

Trong trường hợp phát sinh chênh lệch sau khi Bên B gửi đối chiếu công nợ, Bên A cần hoàn tất phản hồi trong vòng 3 ngày làm việc. Việc thực hiện thanh toán trong trường hợp này sẽ là ngày thanh toán cố định đến kỳ hoặc ngày làm việc tiếp theo sau khi 2 Bên hoàn tất đối chiếu công nợ nếu đã quá hạn thanh toán theo ngày cố định.

Trường hợp ngày đến hạn thanh toán là ngày nghỉ hoặc ngày lễ hoặc ngày đó không có trong tháng thì ngày đến hạn thanh toán được dời sang ngày làm việc tiếp theo.

D. CHIẾT KHẤU:

CHIẾT KHẤU	Chi Tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
1. Chiết khấu bán hàng:	Không áp dụng	Khấu trừ trên mỗi hóa đơn GTGT	01/01/2023
2. Chiết khấu cơ bản:	Không áp dụng		01/01/2023
3. Thanh toán đúng hạn:	Không áp dụng	Bên B xuất biên nhận vào Cuối quý	01/01/2023

E. THƯỞNG DOANH SỐ

KFM sẽ được một khoản tiền từ NCC nếu tổng Doanh Số nhập đạt một trong các mục tiêu sau (*):

Chỉ tiêu (VND) (Tính theo năm)	Thưởng
Mặc định	
Đạt từ 600,000,000	1%
Đạt từ 800,000,000	2%
Đạt từ 1,000,000,000	3%

Hóa đơn do Bên A xuất cho bên B

Áp dụng từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

(*). Những chỉ tiêu trên được áp dụng cho Tổng Doanh số cộng dồn của tất cả các Điều khoản thương mại giữa Công ty và Nhà cung cấp trừ những Điều khoản thương mại thể hiện một cách rõ ràng rằng Điều khoản thương mại đó áp dụng chỉ tiêu khác hoặc chỉ tiêu riêng biệt.

(**) Kết quả doanh số cuối năm đạt đến tỉ lệ chiết khấu nào thì tỉ lệ đó sẽ được áp dụng cho tổng doanh số năm, không áp dụng từng bậc.

F. CÁC KHOẢN HỖ TRỢ

CÁC KHOẢN HỖ TRỢ	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
1. Khai trương cửa hàng mới (Áp dụng cho store có kinh doanh sản phẩm của bên A)	500,000 VNĐ/cửa hàng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
2. Hỗ trợ sinh nhật chuỗi (Áp dụng cho toàn hệ thống)	5,000,000 VNĐ/cho dịp này	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối tháng 9 năm 2023	01/01/2023
3. Hỗ trợ Tết âm lịch	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối tháng 4 năm 2023	01/01/2023
4. Hỗ trợ Dịp lễ/sự kiện đặc biệt	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối tháng 4 năm 2023	01/01/2023

CÁC KHOẢN HỖ TRỢ	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
5. Hỗ trợ vận hành cửa hàng	0.25%	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
6. Hỗ trợ chương trình khách hàng thân thiết KFM	0.5%	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023

G. CÁC KHOẢN PHÍ

Các khoản phí	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
1. Phí vận hành kho trung tâm (Tính trên đơn hàng giao về kho trung tâm)	2%	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
2. Phí tạo mã hàng mới:	3,000,000 VNĐ cho mỗi mã hàng bán lần đầu vào hệ thống	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối tháng	01/01/2023
3. Hỗ trợ trưng bày	0.5%	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
4. Hỗ trợ trưng bày tối ưu (Extra display) (Chi tiết trong phụ lục ...)	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
5. Hỗ trợ quảng cáo	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
6. Hỗ trợ huỷ hàng/Hỗ trợ xử lý hàng cận date	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
7. Hỗ trợ quản lý ngành hàng (Category management)	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
8. Chia sẻ dữ liệu bán hàng (Data exchange)	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
9. Hỗ trợ in ấn	0.25%	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
10. On post promotion	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
11. Kiểm tra chất lượng (Quality check)	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
12. Hỗ trợ khuyến mãi (Promotion Support)	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
13. Legal checking	Không áp dụng	Hoá đơn do bên B xuất tách biệt với hoá đơn giao hàng vào cuối quý	01/01/2023
14. Phí thay đổi thông tin			01/01/2023

Các khoản phí	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
a. Đổi tên & mã số thuế	2,000,000VND/lần	Hóa đơn do bên B xuất tách biệt với hóa đơn giao hàng vào cuối quý nếu NCC có phát sinh thay đổi thông tin trong quý đó	
b. Đổi số tài khoản ngân hàng	500,000VND/lần		
c. Đổi thông tin sản phẩm (Barcode...)	1,000,000VND/sản phẩm		


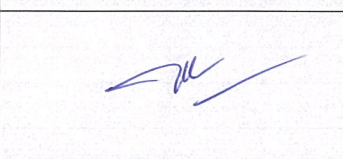
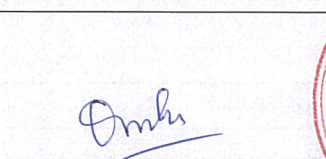

III. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

(i) Trong vòng một (01) tháng trước khi thời hạn phụ lục hợp đồng kết thúc, nếu các Bên không có ý kiến gì thì Phụ lục này sẽ được gia hạn 01 (một) năm tiếp theo và chỉ được gia hạn 01 lần.

(ii) Để tránh hiểu lầm, thuật ngữ "tháng" được hiểu là tháng dương lịch bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng cho đến ngày cuối cùng của tháng đó; thuật ngữ "quý" được hiểu là mỗi 3 tháng dương lịch bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng 3, hoặc bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 4 cho đến ngày cuối cùng của tháng 6, hoặc bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 7 cho đến ngày cuối cùng của tháng 9, hoặc bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 10 cho đến ngày cuối cùng của tháng 12; thuật ngữ "năm" được hiểu là năm dương lịch bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng 12.

(iii) Tất cả các khoản tiền nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT (thuế GTGT sẽ được cộng vào khi thực thanh toán theo quy định của pháp luật) và sẽ được trừ toàn bộ vào các đợt thanh toán tiền hàng gần nhất sau đó, hoặc sẽ được Nhà cung cấp thanh toán trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tính từ ngày phát sinh các khoản tiền đó nếu Công ty không còn bất kỳ khoản phải thanh toán nào với Nhà cung cấp.

(vi) Ngoại trừ được quy định khác, bất kỳ khoản tiền nào được xác định dựa vào một tỉ lệ phần trăm (%) cụ thể sẽ được hiểu là dựa trên tỉ lệ phần trăm đó trên tổng doanh số chưa bao gồm thuế GTGT của kỳ tương ứng. Kỳ tính toán đầu tiên sẽ được tính từ Ngày bắt đầu.

Đại diện Công Ty CP KingFood Market (bên B)	Trưởng ngành hàng	Thu mua	Đại diện nhà cung cấp (bên A)
			
Phan Hoàng Bích Khuê	Phạm Thị Thu Thảo	Đinh Thị Minh Hà	Đặng Xuân Ngọc